DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 3
CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL PRIMARY 2015 -2016 TẠI HỒ CHÍ MINH
(TOEFL PRIMARY CHALLENGE HCMC 2015 -2016)

(Sắp xếp theo Trường)

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
1	Ngô Khải	Du	24-Mar-05	60100253	Khối 5	5.1	Đuốc Sống	Quận 01
2	Kiều Anh	Khoa	21-Dec-05	60100366	Khối 5	5.2	Hòa Bình	Quận 01
3	Lê Châu	Anh	11-Apr-07	60100633	Khối 3	3.3	Lê Ngọc Hân	Quận 01
4	Nguyễn Minh Kiến	Quốc	1-Jun-05	60100867	Khối 5	5.4	Lương Thế Vinh	Quận 01
5	Hứa Bảo	Châu	30-Jul-05	60101466	Khối 5	5.2	Trần Hưng Đạo	Quận 01
6	Nguyễn Cao	Nhân	23-Oct-05	60101506	Khối 5	5C1	Trần Hưng Đạo	Quận 01
7	Phạm Vũ Trường	Ca	27-Apr-05	60101514	Khối 5	5C1	Trần Hưng Đạo	Quận 01
8	Hoàng Thái	Bình	6-Jun-05	60101534	Khối 5	5C2	Trần Hưng Đạo	Quận 01
9	Đặng Hoàng	Châu	5-Jul-06	60101699	Khối 4	4.2	Vas	Quận 01
10	Phạm Nhật	Quang	17-Nov-05	60102426	Khối 5	5.2	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận
11	Nguyễn Đăng Hoài	Nhiên	3-Oct-05	60102427	Khối 5	5.2	Hồ Văn Huê	Quận Phú Nhuận
12	Trương Minh	Quân	21-Jan-05	60104285	Khối 5	5.1	Minh Đạo	Quận 05
13	Phan Huy	Long	16-Aug-05	60104410	Khối 5	5.4	Chính Nghĩa	Quận 05
14	Đinh Hồ Tuệ	Mỹ	3-Jun-07	60106245	Khối 3	3.2	Võ Thị Sáu	Quận 07
15	Bùi Linh	Nhi	3-Jul-06	60106439	Khối 4	4.5	Sao Việt	Quận 07

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
16	Võ Bảo	An	6-Jul-05	60106479	Khối 5	5.5	Sao Việt	Quận 07
17	Huang Long	Châu	27-Sep-05	60106482	Khối 5	5.5	Sao Việt	Quận 07
18	Nguyễn Tố Uyên	Tâm	14-Mar-05	60106493	Khối 5	5.5	Sao Việt	Quận 07
19	Vương Cung Nguyệt	Minh	14-Jul-07	60106559	Khối 3	3.5	Việt Úc	Quận 07
20	Nguyễn Ngọc	Hân	11-May-06	60106571	Khối 4	4.3	Việt Úc	Quận 07
21	Đặng Kim	Sơn	10-Dec-05	60106611	Khối 5	5.3	Việt Úc	Quận 07
22	Trần Quỳnh	Anh	7-Sep-06	60106738	Khối 4	4.2	Nam Sài Gòn	Quận 07
23	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	29-Jan-05	60107471	Khối 5	5.6	Triệu Thị Trinh	Quận 10
24	Nguyễn Duy	Lam	5-Jun-05	60108224	Khối 5	5.5	Võ Trường Toản	Quận 10
25	Đào Ngọc Minh	Khuê	17-Nov-05	60108369	Khối 5	5.6	Việt Úc	Quận 10
26	Trình Nguyễn Khánh	An	15-Mar-06	60108554	Khối 4	4L	Nguyễn Thái Sơn	Quận 03
27	Nguyễn Khánh	Ngọc	8-Aug-06	60110624	Khối 4	4B	Thới Tam	Hóc Môn
28	Nguyễn Giang	Thanh	18-Sep-05	60111491	Khối 5	5.4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp
29	Mai Cao	Khải	23-May-05	60112533	Khối 5	5.6	Chu Văn An	Quận Bình Thạnh
30	Nguyễn Thanh Hoàng	Mai	5-Jan-06	60113391	Khối 4	4	Việt Mỹ	Quận Bình Thạnh
31	Trần Lê Minh	Nhật	9-Feb-07	60113436	Khối 3	3.1	Quốc Tế Việt Úc	Quận Bình Thạnh
32	Trần Lê Hải	Triều	24-Mar-05	60113491	Khối 5	5.1	Quốc Tế Việt Úc	Quận Bình Thạnh
33	Nguyễn Hồng Bảo	Trân	4-Nov-06	60115819	Khối 4	4.1	Lê Thị Hồng Gấm	Quận Tân Bình
34	Cao Ngọc Phương	Trang	16-Mar-05	60117892	Khối 5	5.1	Đặng Trần Côn	Quận 04
35	Nguyễn Hoàng	Khôi	7-Jan-05	60117928	Khối 5	5.3	Bàu Sen	Quận 05

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
36	Phạm Mỹ Lan	Anh	1-Feb-06	60117941	Khối 4	4.6	Trần Bình Trọng	Quận 05
37	Dương Hoan	Triết	31-Mar-05	60117956	Khối 5	5.4	Sao Việt	Quận 07
38	Nguyễn Hoàng Khánh	Minh	8-Mar-05	60118022	Khối 5	5L	Lương Thế Vinh	Quận 07
39	Trần Như	Khanh	13-Apr-05	60118050	Khối 5	5.1	Việt Úc	Quận 07
40	Mai Đạt	Long	20-Dec-05	60118064	Khối 5	5.1	Nam Sài Gòn	Quận 07
41	Nguyễn	Dũng	29-Mar-05	60118066	Khối 5	5.3	Nam Sài Gòn	Quận 07
42	Phan Thị Thanh	Ngân	28-Aug-05	60118069	Khối 5	5.3	Nam Sài Gòn	Quận 07
43	Vũ Tuấn	Nghĩa	4-Feb-05	60118135	Khối 5	5A	Đinh Tiên Hoàng	Quận 09
44	Phạm Minh	Khuê	2-Jul-05	60118156	Khối 5	5.1	Hòa Bình	Quận 01
45	Trịnh Bảo	Lâm	15-Feb-05	60118168	Khối 5	5.5	Hòa Bình	Quận 01
46	Thái Phương	Liên	27-Feb-06	60118176	Khối 4	4.2	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01
47	Lê Hoàng Châu	Anh	17-Jan-05	60118188	Khối 5	5.2	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01
48	Nguyễn Huy	Minh	11-Jan-05	60118189	Khối 5	5.2	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01
49	Lê Hoàng Nhật	Nam	17-Jan-05	60118190	Khối 5	5.2	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quận 01
50	Trần Quỳnh	Anh	5-Sep-06	60118248	Khối 4	4.4	Lê Ngọc Hân	Quận 01
51	Phaạm Hạ Hữu	Quân	29-Mar-05	60118261	Khối 5	5.1	Lê Ngọc Hân	Quận 01
52	Trần Đức	Minh	28-Feb-05	60118269	Khối 5	5.2	Lê Ngọc Hân	Quận 01
53	Phạm Toàn Anh	Dũng	1-Feb-05	60118284	Khối 5	5.4	Lê Ngọc Hân	Quận 01
54	Đỗ Trí	Toàn	23-Sep-05	60118295	Khối 5	5.4	Lê Ngọc Hân	Quận 01
55	Nguyễn Ngọc Việt	Mi	26-Aug-05	60118308	Khối 5	5.1	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
56	Nguyễn Thiên	Hà	21-Mar-05	60118315	Khối 5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01
57	Đặng Trần Đoan	Trang	19-Apr-05	60118317	Khối 5	5.3	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01
58	Hoàng Minh	Quân	26-Sep-05	60118320	Khối 5	5.4	Đinh Tiên Hoàng	Quận 01
59	Nguyễn Lê Ngọc	Vy	21-Feb-05	60118458	Khối 5	5.5	Việt Úc	Quận 10
60	Bùi Ngọc Nam	Phương	22-Jul-05	60118461	Khối 5	5.5	Việt Úc	Quận 10
61	Phan Nguyễn Thành	Trung	18-Apr-05	60118523	Khối 5	5B	Thới Tam	Hóc Môn
62	Phạm Trần Hữu	Phước	23-Feb-05	60118568	Khối 5	5A	Lâm Văn Bền	Nhà Bè
63	Bành Đức Gia	Khánh	11-Feb-05	60118601	Khối 5	5.4	Chu Văn An	Quận Bình Thạnh
64	Nguyễn Hà Minh	Khuê	21-Sep-06	60118613	Khối 4	4.2	Hồng Hà	Quận Bình Thạnh
65	Nguyễn Mai	Trang	2-Dec-06	60118647	Khối 4	4.4	Nguyễn Đình Chiểu	Quận Bình Thạnh
66	Phạm Việt Hoàng	Kỳ	17-Sep-05	60118658	Khối 5	5.3	Nguyễn Đình Chiểu	Quận Bình Thạnh
67	Phạm Diệp Kỳ	An	11-Mar-06	60118673	Khối 4	4.1	Thạnh Mỹ Tây	Quận Bình Thạnh
68	Nguyễn Lê Minh	Hằng	11-Jan-05	60118682	Khối 5	5.4	Thạnh Mỹ Tây	Quận Bình Thạnh
69	Nguyễn Huy	Vũ	30-Jan-05	60118736	Khối 5	5.1	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp
70	Đặng Quang	Phú	10-Oct-05	60118766	Khối 5	5.1	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận
71	Võ Hà	Phương	29-May-05	60118767	Khối 5	5.1	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận
72	Denny Đạt Hoàng	Trần	15-Nov-04	60118769	Khối 5	5.1	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận
73	Bùi Lê Thục	Anh	10-Dec-05	60118771	Khối 5	5.2	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận
74	Nguyễn Thị Quỳnh	Lam	23-Jan-05	60118773	Khối 5	5.2	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận
75	Bùi Bảo Ngọc	Phúc	7-Jul-05	60118775	Khối 5	5.2	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện
76	Trương Quảng	Thái	8-Jan-05	60118776	Khối 5	5.2	Quốc Tế Việt Úc	Quận Phú Nhuận
77	Nguyễn Anh	Khôi	26-May-06	60118784	Khối 4	4.2	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận
78	Đỗ Huỳnh Lan	Thi	6-Oct-05	60118793	Khối 5	5.4	Nguyễn Đình Chính	Quận Phú Nhuận
79	Trần Đặng Gia	Bảo	2-Mar-05	60118825	Khối 5	5.3	Bình Chiểu	Quận Thủ Đức
80	Nguyễn Minh	Huy	12-Feb-05	60118942	Khối 5	5.2	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú
81	Hồ Thiên	An	17-Jul-05	60118956	Khối 5	5.1	Lê Văn Sĩ	Quận Tân Bình
82	Nguyễn Trọng Nhân	Thịnh	17-Feb-05	60118999	Khối 5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Quận Tân Bình
83	Phạm Quang	Minh	18-May-05	60119012	Khối 5	5.7	Trần Quốc Tuấn	Quận Tân Bình
84	Lê Bảo Thiện	Nhân	12-Mar-05	60119092	Khối 5	5.1	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình
85	Lê Nguyễn Ngọc	Minh	3-Aug-05	60119095	Khối 5	5.2	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình
86	Lê Trọng	Hưng	15-Dec-05	60119108	Khối 5	5.2	Hoàng văn Thụ	Quận Tân Bình